

Số: 02 /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 7 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Thực hiện Công văn số 09/CV-BCĐ ngày 30/5/2025 và Công văn số 10/CV-BCĐ ngày 03/6/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp của Chính phủ về việc định hướng tạm thời bố trí biên chế khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Để bảo đảm cơ sở pháp lý và điều kiện cần thiết cho hoạt động của các cơ quan, tổ chức sau sắp xếp, việc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025 là cần thiết và đúng quy định.

II. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.
- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008.
- Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019.
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Kết luận số 163-KL/TW, ngày 06/6/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ khi sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.
- Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026.
- Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.
- Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026.
- Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp.
- Công văn số 09/CV-BCĐ ngày 30/5/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp về việc định hướng tạm thời bố trí biên chế khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
- Công văn số 10/CV-BCĐ ngày 03/6/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp về việc định hướng tạm thời bố trí biên chế khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
- Quyết định số 37-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2026.
- Quyết định số 3207-QĐ/BTCTW ngày 11/11/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Thái Nguyên năm 2025.
- Quyết định số 36-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2026.

- Quyết định số 3186-QĐ/BTCTW ngày 11/11/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bắc Kạn năm 2025.

- Căn cứ Kết luận số 1858-KL/TU, ngày 11/6/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn về chủ trương đối với các Đề án thành lập tổ chức đảng, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính; sắp xếp, hợp nhất các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh sau khi sắp xếp, hợp nhất tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên;

- Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 24/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2026.

- Quyết định số 1827-QĐ/TU ngày 07/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc giao biên chế của các hội có tính chất đặc thù tỉnh Thái Nguyên năm 2024.

- Quyết định số 2333-QĐ/TU ngày 25/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc giao biên chế khối chính quyền địa phương tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

- Quyết định số 2968-QĐ/TU ngày 23/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tạm giao tổng biên chế cán bộ, công chức, viên chức cho chính quyền địa phương các xã, phường thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

- Quyết định số 1564-QĐ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn điều chuyển biên chế từ khối Đảng sang khối chính quyền.

- Quyết định số 1584-QĐ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn điều chỉnh biên chế khối chính quyền tỉnh năm 2025.

- Nghị quyết số 272/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên tạm giao tổng biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của chính quyền địa phương cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn tạm giao biên chế cán bộ, công chức, tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025.

III. Thực trạng biên chế của hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn trước khi hợp nhất

1. Số biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc tại hội được giao biên chế đã giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương năm 2025, như sau:

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc tại hội được giao biên chế: 43.766 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức cấp tỉnh: 2.059 biên chế, trong đó, tỉnh Thái Nguyên có 1.154 biên chế¹; tỉnh Bắc Kạn có 905 biên chế.

- Biên chế công chức cấp huyện: 1.350 biên chế, trong đó, tỉnh Thái Nguyên có 778 biên chế; tỉnh Bắc Kạn có 572 biên chế.

- Số lượng cán bộ, công chức cấp xã 5.984 biên chế, trong đó tỉnh Thái Nguyên có: 3.796 người, tỉnh Bắc Kạn có 2.188 người.

- Biên chế sự nghiệp: 34.245 biên chế, trong đó:

+ Tỉnh Thái Nguyên: 25.598 biên chế (sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 20.557; sự nghiệp y tế: 3.263; sự nghiệp văn hoá, thông tin - thể thao: 432; sự nghiệp khác: 1.346 biên chế).

+ Tỉnh Bắc Kạn: 8.647 biên chế (sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 6.894; sự nghiệp y tế: 985 biên chế; sự nghiệp văn hoá, thông tin - thể thao: 267 biên chế; sự nghiệp khác: 501 biên chế).

- Biên chế giao cho các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: 128 biên chế, trong đó:

+ Tỉnh Thái Nguyên: 73 biên chế, trong đó các hội cấp huyện được giao 18 biên chế.

+ Tỉnh Bắc Kạn: 55 biên chế, trong đó các hội cấp huyện được giao 08 biên chế.

2. Số biên chế có mặt tại thời điểm 01/6/2025: 41.833 người, trong đó:

- Cán bộ, công chức cấp cấp tỉnh: 1.882 người, trong đó tỉnh Thái Nguyên: 1.060 người; tỉnh Bắc Kạn: 822 người; số biên chế chưa sử dụng: 177, trong đó tỉnh Thái Nguyên: 94; tỉnh Bắc Kạn: 83 biên chế.

- Cán bộ, công chức cấp huyện: 1.205 người, trong đó tỉnh Thái Nguyên: 671 người; tỉnh Bắc Kạn: 534 người; số biên chế chưa sử dụng: 145, trong đó tỉnh Thái Nguyên: 107; tỉnh Bắc Kạn: 38 biên chế.

- Cán bộ, công chức cấp xã: 5.381 người; trong đó tỉnh Thái Nguyên 3.326 người; tỉnh Bắc Kạn: 2.055 người; số biên chế chưa sử dụng: 603, trong đó tỉnh Thái Nguyên: 470; tỉnh Bắc Kạn: 133 biên chế.

- Viên chức: 33.241 người, trong đó tỉnh Thái Nguyên: 24.780 người; tỉnh Bắc Kạn: 8.461 người; số biên chế chưa sử dụng: 1.004, trong đó tỉnh Thái Nguyên: 818; tỉnh Bắc Kạn: 186 biên chế.

- Biên chế giao cho các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: 124 người; trong đó tỉnh Thái Nguyên 69 người; tỉnh Bắc Kạn: 55 người; số người làm việc tại hội chưa thực hiện: 04, trong đó tỉnh Thái Nguyên: 04; tỉnh Bắc Kạn: 0.

¹ Cụ thể: 1.067 biên chế cán bộ, công chức được giao tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh và 87 biên chế tiếp nhận từ Bộ Công Thương do tiếp nhận Cục Quản lý thị trường.

IV. Nội dung tạm giao biên chế

1. Nguyên tắc tạm giao biên chế

1.1. Tạm giao biên chế trên cơ sở tổng số biên chế được giao năm 2025 của hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn trước khi hợp nhất.

1.1.1. Đối với cấp tỉnh

* Tỉnh Thái Nguyên (cũ)

- Đối với công chức: chuyển nhiệm vụ và biên chế thực hiện công tác thanh tra về Thanh tra tỉnh đối với 10 sở có Thanh tra sở (tổng số 62 biên chế²). Đồng thời Thanh tra tỉnh tiếp nhận 21 biên chế công chức từ thanh tra cấp huyện của tỉnh Thái Nguyên (cũ) khi sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra. Các sở, ban, ngành còn lại giữ nguyên số biên chế được³ giao năm 2025.

- Đối với viên chức: tính trên tổng số biên chế viên chức của hai tỉnh trước khi hợp nhất. Trong đó, đối với các cơ quan có tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, thay đổi về biên chế như sau:

+ Chuyển biên chế hiện có (số có mặt) của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện về Sở Nông nghiệp và Môi trường: 225 biên chế⁴.

+ Chuyển biên chế của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện về Sở Giáo dục và Đào tạo: 264 biên chế⁵.

+ Chuyển 71 biên chế của Trường Trung cấp dân tộc nội trú tỉnh Thái Nguyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo về Trường Cao đẳng Thái Nguyên, do hợp nhất Trường Trung cấp dân tộc nội trú vào Trường Trường Cao đẳng Thái Nguyên.

+ Chuyển 25 biên chế viên chức thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về 03 cơ quan thuộc tỉnh Thái Nguyên (Sở Công Thương 13; Sở Tài chính 10; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 02), do chuyển chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Bắc Kạn thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về các Trung tâm xúc tiến thuộc Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

² Cụ thể: Thanh tra Sở Tài chính: 08 biên chế; Thanh tra Sở Xây dựng: 09 biên chế; Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường: 11 biên chế; Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ: 05 biên chế; Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo: 04 biên chế; Thanh tra Sở Công Thương: 06 biên chế; Thanh tra Sở Y tế: 05 biên chế; Thanh tra Sở Nội vụ: 06 biên chế; Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 05 biên chế; Thanh tra Sở Dân tộc và Tôn giáo: 03 biên chế.

³ Cụ thể: có 04 cơ quan gồm: Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tư pháp; Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên

⁴ Cụ thể: Trung tâm DVNN thành phố Thái Nguyên: 19 biên chế; Trung tâm DVNN thành phố Sông Công: 12 biên chế; Trung tâm DVNN thành phố Phổ Yên: 19 biên chế; Trung tâm DVNN huyện Định Hóa: 32 biên chế; Trung tâm DVNN huyện Phú Lương: 25 biên chế; Trung tâm DVNN huyện Đồng Hỷ: 29 biên chế; Trung tâm DVNN huyện Võ Nhai: 25 biên chế; Trung tâm DVNN huyện Đại Từ: 35 biên chế; Trung tâm DVNN huyện Phú Bình: 29 biên chế.

⁵ Cụ thể: Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Thái Nguyên: 34 biên chế; Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Sông Công: 20 biên chế; Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Phổ Yên: 23 biên chế; Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đại Từ: 49 biên chế; Trung tâm GDNN-GDTX huyện Định Hóa: 24 biên chế; Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đồng Hỷ: 25 biên chế; Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phú Lương: 31 biên chế; Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phú Bình: 31 biên chế; Trung tâm GDNN-GDTX huyện Võ Nhai: 27 biên chế.

+ Chuyển 25 biên chế viên chức từ Sở Nông nghiệp và Môi trường để tạm giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên⁶ được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường⁷. Theo quyết định thành lập, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên là đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, trong khi chờ xây dựng phương án tự chủ tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, để bảo đảm các hoạt động của đơn vị không bị gián đoạn sau khi tổ chức lại và thực hiện tự chủ tài chính theo lộ trình, trước mắt tạm thời thực hiện chuyển 25 biên chế⁸ viên chức thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường về Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên.

+ Giảm 166 biên chế viên chức của Đài Phát thanh - Truyền hình hai tỉnh Thái Nguyên (112 biên chế) và Bắc Kạn (54 biên chế) do thực hiện hợp nhất Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo, Tạp chí văn nghệ hai tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn thuộc Tỉnh ủy Thái Nguyên quản lý.

- Đối với biên chế hội: giảm 09 biên chế của Hội Văn học Nghệ thuật hai tỉnh Thái Nguyên (05 biên chế của Tạp chí văn nghệ Thái Nguyên) và Bắc Kạn (04 biên chế của Tạp chí văn nghệ Ba Bể) do thực hiện hợp nhất Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo, Tạp chí văn nghệ hai tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn thuộc Tỉnh ủy Thái Nguyên quản lý; giảm 02 biên chế của Hội Đông y tỉnh Thái Nguyên: năm 2025 Hội Đông y được giao 11 biên chế hội, trong đó có 02 biên chế giao cho Trung tâm Kế thừa ứng dụng Y dược học cổ truyền thuộc Hội Đông Y, hiện nay Trung tâm đã tự bảo đảm chi thường xuyên nên điều chỉnh giảm 02 biên chế.

* Tỉnh Bắc Kạn (cũ): thực hiện theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn tạm giao biên chế cán bộ, công chức, tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025.

* Đối với 74 biên chế dự phòng:

- 64 biên chế viên chức của Sở Y tế: do chuyển 78 biên chế của cơ sở Cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (trước đây) về Sở Y tế khi thực hiện Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chuyển nhiệm vụ của một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh sang Công an tỉnh Thái Nguyên, trong đó có Cơ sở Cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên (chỉ thực hiện chuyển nhiệm vụ không chuyển biên chế về Công an tỉnh); hiện nay, Công an

⁶ Theo Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

⁷ Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường hiện đang là đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3).

⁸ Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường đang được giao 25 biên chế sự nghiệp tại Quyết định số 01/QĐ-SNNMT ngày 03/3/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

tính chuyển lại 08 viên chức về Sở Y tế, do đó còn 70 biên chế chưa sử dụng, trong đó 03 biên chế chuyển về cấp xã để giao cho đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã, 03 biên chế chuyển về Sở Xây dựng do Trung tâm Quản lý, điều hành hoạt động xây dựng và giao thông vận tải trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên tiếp nhận thêm nhiệm vụ về quản lý công ích từ UBND cấp huyện.

- 10 biên chế của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Kạn: Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ khu công nghiệp trực thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Kạn hiện được giao 10 biên chế viên chức, tuy nhiên sau khi thành lập Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp Thái Nguyên trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ khu công nghiệp trực thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Kạn và Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp Thái Nguyên, Trung tâm là đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên, do vậy không thực hiện giao biên chế.

1.1.2. Đối với cấp xã

* Tỉnh Thái Nguyên (cũ): thực hiện theo Nghị quyết số 272/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên tạm giao tổng biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của chính quyền địa phương cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

* Tỉnh Bắc Kạn (cũ): thực hiện theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn tạm giao biên chế cán bộ, công chức, tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025.

2. Biên chế đề nghị tạm giao năm 2025 đối với tỉnh Thái Nguyên

Tổng biên chế đề nghị tạm giao: **41.106** biên chế, cụ thể như sau:

* Biên chế cán bộ, công chức: **7.010** biên chế.

- Cấp tỉnh: 2.080 biên chế.

- Cấp xã: 4.930 biên chế.

* Biên chế viên chức sự nghiệp: **34.005** biên chế.

- Cấp tỉnh: 9.565 biên chế⁹.

- Cấp xã: 24.440 biên chế¹⁰.

* Biên chế hội được đảng, nhà nước giao nhiệm vụ: 91 biên chế.

⁹ Trong đó, sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 3.617 biên chế; sự nghiệp y tế: 4.247 biên chế; sự nghiệp Văn hóa, thông tin, thể thao: 296 biên chế; sự nghiệp khác: 1.405 biên chế.

¹⁰ Trong đó, sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 23.979 biên chế; sự nghiệp khác: 461 biên chế.

Với các nội dung nêu trên, UBND tỉnh đề nghị trân trọng đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo). ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TH. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Hoàng Sơn

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 7 năm 2025

DỰ THẢO LẦN 5

NGHỊ QUYẾT

Tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Thực hiện Kết luận số 163-KL/TW ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ khi sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư;

Thực hiện Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

Thực hiện Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Thực hiện Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

Thực hiện Quyết định số 36-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2026;

Thực hiện Quyết định số 37-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2026;

Thực hiện Quyết định số 3186-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bắc Kạn năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 3207-QĐ/BTCTW ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Thực hiện Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Thực hiện Công văn số 09/CV-BCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp của Chính phủ về việc định hướng tạm thời bố trí biên chế khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Thực hiện Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về quản lý biên chế tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2026;

Thực hiện Quyết định số 2333-QĐ/TU ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc giao biên chế của khối chính quyền địa phương tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 1517-QĐ/TU ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về giao biên chế khối chính quyền tỉnh năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 1564-QĐ/TU ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về điều chuyển biên chế từ khối Đảng sang khối chính quyền;

Thực hiện Quyết định số 1584-QĐ/TU ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về điều chỉnh biên chế khối chính quyền tỉnh năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 31-QĐ/TU ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc tạm giao tổng biên chế khối chính quyền địa phương;

Thực hiện Quyết định số 29-QĐ/TU ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc tạm giao tổng biên cho các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Xét Tờ trình số 02/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh năm 2025 là: **2.080** biên chế.

Điều 2. Tạm giao tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025 là: **4.930** biên chế.

Điều 3. Tạm giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025: **34.005** biên chế, trong đó:

- Cấp tỉnh: **9.565** biên chế, bao gồm:

+ Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 3.617 biên chế;

+ Sự nghiệp y tế: 4.247 biên chế;

+ Sự nghiệp Văn hóa, thông tin, thể thao: 296 biên chế;

+ Sự nghiệp khác: 1.405 biên chế.

- Cấp xã: **24.440** biên chế, bao gồm:

+ Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 23.979 biên chế;

+ Sự nghiệp khác: 461 biên chế.

Điều 4. Tạm giao biên chế của các hội thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025: 91 biên chế.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III kèm theo)

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về điều chỉnh giao biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp năm 2025 của tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 272/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về tạm giao tổng biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của chính quyền địa phương cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về tạm giao biên chế cán bộ, công chức, tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Nội vụ (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương
đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên;
Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Bình

Phụ lục I

Tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó						Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc					
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Biên chế sự nghiệp Y tế	Biên chế sự nghiệp Văn hóa, TTTT	Sự nghiệp khác	
	Tổng cộng	11.645	2.080	9.565	3.617	4.247	296	1.405	
1	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	75	75	-	-	-	-	-	
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	171	108	63	-	-	-	63	
3	Sở Dân tộc và Tôn giáo	42	42	-	-	-	-	-	
4	Sở Nội vụ	257	135	122	-	14	-	108	
5	Thanh tra tỉnh	192	192	-	-	-	-	-	
6	Sở Tư pháp	130	48	82	-	-	-	82	
7	Sở Tài chính	181	154	27	-	-	-	27	
8	Sở Công Thương	243	189	54	-	-	-	54	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó						Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc					
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Biên chế sự nghiệp Y tế	Biên chế sự nghiệp Văn hóa, TTTT	Sự nghiệp khác	
9	Sở Xây dựng	166	144	22	-	-	-	22	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	172	85	87	-	-	-	87	
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1.244	575	669	-	-	-	669	
12	Sở Y tế	4.492	107	4.385	2	4.231	-	152	
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.257	87	3.170	3.153	-	-	17	
14	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	450	86	364	29	2	296	37	
15	Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên	53	53	-	-	-	-	-	
16	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Thái Nguyên	25		25				25	Tạm giao biên chế sự nghiệp để thực hiện ổn định tự chủ đến hết năm 2025. Từ năm 2026 thực hiện tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó						Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc					
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Biên chế sự nghiệp Y tế	Biên chế sự nghiệp Văn hóa, TTTT	Sự nghiệp khác	
17	Trường Cao đẳng Thái Nguyên	433	-	433	433	-	-	-	
18	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể	62	-	62	-	-	-	62	

* Biên chế dự phòng để thực hiện tình giản: 74 biên chế sự nghiệp.

Phụ lục II

Tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp xã và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
	Tổng cộng	29.370	4.930	24.440	23.979	461	
1	UBND phường Phan Đình Phùng	1.255	105	1.150	1.120	30	
2	UBND phường Tích Lương	712	83	629	624	5	
3	UBND phường Gia Sàng	527	69	458	448	10	
4	UBND phường Linh Sơn	589	77	512	507	5	
5	UBND phường Quan Triều	578	72	506	501	5	
6	UBND phường Quyết Thắng	316	57	259	254	5	
7	UBND xã Đại Phúc	666	69	597	583	14	
8	UBND xã Tân Cương	348	71	277	272	5	
9	UBND phường Phổ Yên	594	52	542	537	5	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
10	UBND phường Vạn Xuân	629	52	577	567	10	
11	UBND phường Phúc Thuận	433	43	390	385	5	
12	UBND phường Trung Thành	482	55	427	422	5	
13	UBND xã Thành Công	384	40	344	339	5	
14	UBND phường Bá Xuyên	383	57	326	321	5	
15	UBND Phường Bách Quang	324	56	268	263	5	
16	UBND phường Sông Công	279	52	227	218	9	
17	UBND xã Phú Lương	736	76	660	650	10	
18	UBND xã Vô Tranh	518	72	446	441	5	
19	UBND xã Hợp Thành	196	52	144	139	5	
20	UBND xã Yên Trạch	360	56	304	299	5	
21	UBND xã Phú Bình	642	86	556	546	10	
22	UBND xã Tân Thành	367	58	309	304	5	
23	UBND xã Diềm Thụy	555	63	492	487	5	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
24	UBND xã Kha Sơn	588	73	515	510	5	
25	UBND xã Tân Khánh	353	59	294	289	5	
26	UBND xã Đại Từ	391	63	328	323	5	
27	UBND xã An Khánh	299	51	248	243	5	
28	UBND xã La Bằng	282	38	244	239	5	
29	UBND xã Phú Xuyên	318	39	279	274	5	
30	UBND xã Vạn Phú	307	50	257	252	5	
31	UBND xã Đức Lương	225	46	179	174	5	
32	UBND xã Phú Lạc	304	44	260	255	5	
33	UBND xã Phú Thịnh	319	48	271	266	5	
34	UBND xã Quân Chu	230	44	186	181	5	
35	UBND xã Đồng Hỷ	480	58	422	413	9	
36	UBND xã Văn Lãng	228	34	194	189	5	
37	UBND xã Quang Sơn	236	34	202	197	5	

4

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
38	UBND xã Văn Hán	270	41	229	224	5	
39	UBND xã Nam Hòa	266	39	227	222	5	
40	UBND xã Trại Cau	290	36	254	249	5	
41	UBND xã Định Hóa	427	66	361	351	10	
42	UBND xã Trung Hội	256	53	203	198	5	
43	UBND xã Bình Yên	338	53	285	280	5	
44	UBND xã Kim Phụng	211	44	167	162	5	
45	UBND xã Lam Vỹ	171	40	131	126	5	
46	UBND xã Phú Đình	215	43	172	167	5	
47	UBND xã Bình Thành	185	36	149	144	5	
48	UBND xã Phụng Tiến	259	46	213	208	5	
49	UBND xã Võ Nhai	368	51	317	305	12	
50	UBND xã Tràng Xá	330	36	294	289	5	
51	UBND xã Dân Tiến	402	48	354	349	5	

5

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
52	UBND xã La Hiên	271	40	231	226	5	
53	UBND xã Thần Sa	195	35	160	155	5	
54	UBND xã Nghinh Tường	193	33	160	155	5	
55	UBND xã Sảng Mộc	121	32	89	84	5	
56	UBND Phường Bắc Kạn	395	80	315	306	9	
57	UBND Phường Đức Xuân	363	80	283	275	8	
58	UBND xã Phong Quang	156	61	95	95		
59	UBND xã Thượng Minh	226	58	168	168		
60	UBND xã Phúc Lộc	256	52	204	204		
61	UBND xã Chợ Rã	299	60	239	225	14	
62	UBND xã Ba Bể	277	56	221	221		
63	UBND xã Đồng Phúc	228	56	172	172		
64	UBND xã Bằng Vân	143	42	101	101		
65	UBND xã Ngân Sơn	225	48	177	164	13	

6

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
66	UBND xã Thượng Quan	94	32	62	62		
67	UBND xã Hiệp Lực	180	42	138	138		
68	UBND xã Nà Phặc	202	46	156	156		
69	UBND xã Chợ Đồn	343	67	276	262	14	
70	UBND xã Quảng Bạch	96	38	58	58		
71	UBND xã Nam Cường	263	55	208	208		
72	UBND xã Yên Thịnh	138	48	90	90		
73	UBND xã Nghĩa Tá	172	51	121	121		
74	UBND xã Yên Phong	160	48	112	112		
75	UBND xã Cường Lợi	144	44	100	100		
76	UBND xã Na Rì	312	54	258	244	14	
77	UBND xã Văn Lang	193	50	143	143		
78	UBND xã Trần Phú	179	49	130	130		
79	UBND xã Côn Minh	173	47	126	126		

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
80	UBND xã Xuân Dương	186	49	137	137		
81	UBND xã Vĩnh Thông	143	54	89	89		
82	UBND xã Phủ Thông	255	64	191	177	14	
83	UBND xã Bạch Thông	184	57	127	127		
84	UBND xã Cẩm Giàng	249	62	187	187		
85	UBND xã Tân Kỳ	175	47	128	128		
86	UBND xã Thanh Mai	155	46	109	109		
87	UBND xã Thanh Thịnh	195	51	144	144		
88	UBND xã Chợ Mới	281	59	222	208	14	
89	UBND xã Yên Bình	144	49	95	95		
90	UBND xã Bằng Thành	384	69	315	303	12	
91	UBND xã Cao Minh	317	67	250	250		
92	UBND xã Nghiên Loan	284	66	218	218		

Phụ lục II

Tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp xã và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
	Tổng cộng	29.370	4.930	24.440	23.979	461	
1	UBND phường Phan Đình Phùng	1.255	105	1.150	1.120	30	
2	UBND phường Tích Lương	712	83	629	624	5	
3	UBND phường Gia Sàng	527	69	458	448	10	
4	UBND phường Linh Sơn	589	77	512	507	5	
5	UBND phường Quan Triều	578	72	506	501	5	
6	UBND phường Quyết Thắng	316	57	259	254	5	
7	UBND xã Đại Phúc	666	69	597	583	14	
8	UBND xã Tân Cương	348	71	277	272	5	
9	UBND phường Phổ Yên	594	52	542	537	5	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
10	UBND phường Vạn Xuân	629	52	577	567	10	
11	UBND phường Phúc Thuận	433	43	390	385	5	
12	UBND phường Trung Thành	482	55	427	422	5	
13	UBND xã Thành Công	384	40	344	339	5	
14	UBND phường Bá Xuyên	383	57	326	321	5	
15	UBND Phường Bách Quang	324	56	268	263	5	
16	UBND phường Sông Công	279	52	227	218	9	
17	UBND xã Phú Lương	736	76	660	650	10	
18	UBND xã Vô Tranh	518	72	446	441	5	
19	UBND xã Hợp Thành	196	52	144	139	5	
20	UBND xã Yên Trạch	360	56	304	299	5	
21	UBND xã Phú Bình	642	86	556	546	10	
22	UBND xã Tân Thành	367	58	309	304	5	
23	UBND xã Diềm Thụy	555	63	492	487	5	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
24	UBND xã Kha Sơn	588	73	515	510	5	
25	UBND xã Tân Khánh	353	59	294	289	5	
26	UBND xã Đại Từ	391	63	328	323	5	
27	UBND xã An Khánh	299	51	248	243	5	
28	UBND xã La Bằng	282	38	244	239	5	
29	UBND xã Phú Xuyên	318	39	279	274	5	
30	UBND xã Vạn Phú	307	50	257	252	5	
31	UBND xã Đức Lương	225	46	179	174	5	
32	UBND xã Phú Lạc	304	44	260	255	5	
33	UBND xã Phú Thịnh	319	48	271	266	5	
34	UBND xã Quân Chu	230	44	186	181	5	
35	UBND xã Đồng Hỷ	480	58	422	413	9	
36	UBND xã Văn Lãng	228	34	194	189	5	
37	UBND xã Quang Sơn	236	34	202	197	5	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
38	UBND xã Văn Hán	270	41	229	224	5	
39	UBND xã Nam Hòa	266	39	227	222	5	
40	UBND xã Trại Cau	290	36	254	249	5	
41	UBND xã Định Hóa	427	66	361	351	10	
42	UBND xã Trung Hội	256	53	203	198	5	
43	UBND xã Bình Yên	338	53	285	280	5	
44	UBND xã Kim Phụng	211	44	167	162	5	
45	UBND xã Lam Vỹ	171	40	131	126	5	
46	UBND xã Phú Đình	215	43	172	167	5	
47	UBND xã Bình Thành	185	36	149	144	5	
48	UBND xã Phụng Tiến	259	46	213	208	5	
49	UBND xã Võ Nhai	368	51	317	305	12	
50	UBND xã Tràng Xá	330	36	294	289	5	
51	UBND xã Dân Tiến	402	48	354	349	5	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
52	UBND xã La Hiên	271	40	231	226	5	
53	UBND xã Thần Sa	195	35	160	155	5	
54	UBND xã Nghinh Tường	193	33	160	155	5	
55	UBND xã Sáng Mộc	121	32	89	84	5	
56	UBND Phường Bắc Kạn	395	80	315	306	9	
57	UBND Phường Đức Xuân	363	80	283	275	8	
58	UBND xã Phong Quang	156	61	95	95		
59	UBND xã Thượng Minh	226	58	168	168		
60	UBND xã Phúc Lộc	256	52	204	204		
61	UBND xã Chợ Rã	299	60	239	225	14	
62	UBND xã Ba Bể	277	56	221	221		
63	UBND xã Đồng Phúc	228	56	172	172		
64	UBND xã Bằng Vân	143	42	101	101		
65	UBND xã Ngân Sơn	225	48	177	164	13	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
66	UBND xã Thượng Quan	94	32	62	62		
67	UBND xã Hiệp Lực	180	42	138	138		
68	UBND xã Nà Phặc	202	46	156	156		
69	UBND xã Chợ Đồn	343	67	276	262	14	
70	UBND xã Quảng Bạch	96	38	58	58		
71	UBND xã Nam Cường	263	55	208	208		
72	UBND xã Yên Thịnh	138	48	90	90		
73	UBND xã Nghĩa Tá	172	51	121	121		
74	UBND xã Yên Phong	160	48	112	112		
75	UBND xã Cường Lợi	144	44	100	100		
76	UBND xã Na Rì	312	54	258	244	14	
77	UBND xã Văn Lang	193	50	143	143		
78	UBND xã Trần Phú	179	49	130	130		
79	UBND xã Côn Minh	173	47	126	126		

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc	Trong đó				Ghi chú
			Biên chế cán bộ, công chức	Số lượng người làm việc			
				Tổng	Sự nghiệp giáo dục	Sự nghiệp khác	
80	UBND xã Xuân Dương	186	49	137	137		
81	UBND xã Vĩnh Thông	143	54	89	89		
82	UBND xã Phú Thông	255	64	191	177	14	
83	UBND xã Bạch Thông	184	57	127	127		
84	UBND xã Cẩm Giàng	249	62	187	187		
85	UBND xã Tân Kỳ	175	47	128	128		
86	UBND xã Thanh Mai	155	46	109	109		
87	UBND xã Thanh Thịnh	195	51	144	144		
88	UBND xã Chợ Mới	281	59	222	208	14	
89	UBND xã Yên Bình	144	49	95	95		
90	UBND xã Bằng Thành	384	69	315	303	12	
91	UBND xã Cao Minh	317	67	250	250		
92	UBND xã Nghiên Loan	284	66	218	218		

Phụ lục III

Tạm giao biên chế của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số người làm việc tại hội
	Tổng số	91
1	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên	27
2	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	8
3	Hội Đông y tỉnh Thái Nguyên	16
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên	18
5	Hội Nhà báo tỉnh Thái Nguyên	9
6	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thái Nguyên	6
7	Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN tỉnh Thái Nguyên	1
8	Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh Thái Nguyên	1
9	Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Thái Nguyên	2
10	Hội Khuyến học tỉnh Thái Nguyên	1
11	Hội Luật gia tỉnh Thái Nguyên	1
12	Hội Người cao tuổi tỉnh Thái Nguyên	1